

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 31/2004/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2004

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 118/2003/NĐ-CP
ngày 13/10/2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm
hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm***

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 9/12/2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 2/7/2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2003/NĐ-CP ngày 13/10/2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1.1. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm được áp dụng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là "cá nhân, tổ chức") có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm mà không phải là tội phạm và theo qui định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

1.2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm quy định tại Chương II, Nghị định số 118/2003/NĐ-CP ngày 13/10/2003 (gọi tắt là Nghị định số 118/2003/NĐ-CP).

b) Cá nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm qui định tại Nghị định 118/2003/NĐ-CP, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có qui định khác.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phải tuân theo các quy định chung về xử phạt vi phạm hành chính nêu tại Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 2/7/2002 (gọi tắt là Pháp lệnh), Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (gọi tắt là Nghị định số 134/2003/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Trong trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính lập hồ sơ chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước. Chế độ quản lý biên lai thu tiền phạt và tiền nộp phạt thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

II - NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

1. Chỉ những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 25 Nghị định số 118/2003/NĐ-CP mới có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, với hình thức và mức phạt trong phạm vi thẩm quyền quy định. Không được phép tách một vi phạm thành nhiều vi phạm nhỏ hoặc gộp nhiều vi phạm nhỏ thành một vi phạm lớn hơn nhằm mục đích thay đổi thẩm quyền xử phạt.

2. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhưng không thuộc thẩm quyền xử phạt của mình, các cơ quan chức năng phải chuyển giao hồ sơ vi phạm cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm để xem xét, xử phạt theo quy định tại Nghị định số 118/2003/NĐ-CP.

3. Trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì người đầu tiên thụ lý vụ việc sẽ ra quyết định xử phạt.

4. Trong trường hợp, các hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của một người thì người đó sẽ ra một quyết định xử phạt chung, nhưng phải ghi rõ từng hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt đối với từng

hành vi.

5. Trong trường hợp, một trong các hành vi vi phạm có thể bị xử lý theo hình thức và mức xử phạt không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền của người xử phạt thì người đó phải chuyển toàn bộ hồ sơ lên cấp có thẩm quyền để xem xét, quyết định trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

6. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh thanh tra sở Tài chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 118/2003/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

6.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70 triệu đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 5, khoản 4 Điều 6, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 11, khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 118/2003/NĐ-CP.

6.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20 triệu đồng.

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 5, khoản 4 Điều 6, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 11, khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 118/2003/NĐ-CP.

6.3. Chánh thanh tra Sở Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20 triệu đồng.

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 5, khoản 4 Điều 6, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 11, khoản 3 Điều 15,

điểm a khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 118/2003/NĐ-CP.

III- ÁP DỤNG HÌNH THỨC XỬ PHẠT

1. Người ra quyết định xử phạt phải căn cứ vào mức độ, tính chất của hành vi vi phạm được quy định tại Chương II Nghị định số 118/2003/NĐ-CP để quyết định việc áp dụng hình thức xử phạt phù hợp.
2. Việc áp dụng mức phạt tiền, kể cả khi vận dụng các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, đều không được thấp hơn hoặc vượt quá khung phạt tiền đã quy định.
3. Mức tiền phạt cụ thể do người có thẩm quyền xử phạt quyết định trong từng trường hợp căn cứ vào khung tiền phạt được quy định tại Nghị định số 118/2003/NĐ-CP, tính chất, mức độ vi phạm và chủ thể thực hiện hành vi vi phạm.
4. Mức tối thiểu của khung phạt tiền được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính lần đầu, do lỗi vô ý và có tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 8 của Pháp lệnh.
5. Việc xác định mức trung bình của khung tiền phạt được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP.
6. Mức tối đa của khung phạt tiền được áp dụng đối với hành vi vi phạm có nhiều tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh.
7. Chỉ được áp dụng một trong hai hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính.
8. Các hình thức xử phạt bổ sung không được áp dụng độc lập mà phải áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính.

IV. THỦ TỤC XỬ PHẠT

1. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm được thực hiện theo các quy định tại Chương IV Nghị định số 134/2003/NĐ-CP. Các mẫu biên bản và quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Do tính chất đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm nên:
 - 2.1. Thủ tục xử phạt đơn giản theo quy định tại Điều 54 của Pháp lệnh và Điều 19 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP sẽ không áp dụng đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh

bảo hiểm. Mọi trường hợp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm đều phải căn cứ trên biên bản vi phạm hành chính do cơ quan và người có thẩm quyền lập theo nội dung và hình thức do pháp luật quy định.

2.2. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm áp dụng theo qui định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 134/2003/NĐ-CP.

3. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Pháp lệnh.

V. HÀNH VI VI PHẠM

Một số hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 118/2003/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép đặt văn phòng đại diện (sau đây gọi tắt là “giấy phép”) theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 118/2003/NĐ-CP

1.1. Không công bố hoặc công bố sai sự thật nội dung hoạt động theo các quy định của pháp luật có liên quan là việc doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không tuân thủ quy định về đăng báo những nội dung chủ yếu của giấy phép theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị định số 42/2001/NĐ-CP của Chính phủ ngày 1/8/2001 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

1.2. Không hoạt động sau 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép là việc doanh nghiệp bảo hiểm không tiến hành bất kỳ hoạt động nào được quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật kinh doanh bảo hiểm; doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không tiến hành bất kỳ hoạt động nào được quy định tại Điều 90 Luật kinh doanh bảo hiểm.

1.3. Chậm công bố so với thời hạn qui định các nội dung thay đổi theo quy định là việc sau 30 ngày kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận việc thay đổi, doanh nghiệp bảo hiểm vẫn chưa công bố các nội dung thay đổi đã được chấp thuận theo quy định của pháp luật.

1.4. Kinh doanh hoặc hoạt động không đúng với nội dung ghi trong giấy phép là việc doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, văn phòng đại diện của công ty bảo hiểm, công ty môi giới bảo hiểm nước ngoài hoạt động trái hoặc ngoài các nội dung được quy định trong giấy phép liên quan đến lĩnh vực hoạt động, nghiệp vụ hoạt động được phép tiến hành, địa bàn hoạt động, đối tượng khách hàng và thời hạn hoạt động.